TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Tr**, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Số C, khu A, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Văn L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Số B, khu D, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Văn L có nghĩa vụ trả chị Trần Thị Tr số tiền còn nợ 4.370.000đ *(Bốn triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng)*.

Kể từ ngày chị Trần Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Bùi Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn L có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)*. Nhưng ông L thuộc đối tượng người có công với cách mang và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho ông L theo quy định tại điểm đ khoản 1

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Tr có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Tr đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0015085 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr. Hoàn trả lại chị Tr số tiền chênh lệch là 225.000đ *(Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An